TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2019/DS-PT
Ngày: 26/3/2019
"V/v: Kiện đòi tiền cho vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Lại Anh Vân

Ông Nguyễn Minh Tân

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Thúy Hà - Th- ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải D- ơng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải D- ơng: Bà Phạm Thị Quyên- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải D- ơng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2019/DS-PT ngày 16 tháng 01 năm 2019,về việc *" Kiện đòi tiền cho vay"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DSST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số15/2019/QĐXX-PT ngày 05/3/2019 giữa các đ- ơng sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1964.

Đăng ký hộ khẩu và trú tại: Khu 2, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Lê Văn H, sinh năm 1956.

Trú tại: Số 51/185 phố C, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Tăng Thị Ch**, sinh năm 1965

Trú tại: Khu dân cư P, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (có mặt)

3, Người kháng cáo: Bà Tăng Thị Ch (Bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

-*Theo nguyên đơn bà Lê Thị L trình bầy:* Trước đây bà có mở hiệu cầm đồ. Vào năm 2011, bà Tăng Thị Ch có nhờ bà vay giúp tiền để mua xe ô tô cho con làm ăn. Trong năm 2011, bà đã vay hộ bà Ch tổng số tiền là 1.718.000.000đ, trong đó có 60.000.000đ là tiền lãi. Số tiền đó bà đi vay của nhiều người, trong đó có 950.000.000đ (Chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn) bà vay của bà Đặng Thị Thanh H (trú tại: Khu 2, phường T, thành phố H). Bà Ch vay bà nhiều lần và được

dồn vào 07 giấy nhận nợ như sau: Ngày 22/3/2012 số tiền 655.000.000đ; Ngày 22/3/2012 số tiền 635.000.000đ; Ngày 22/5/2012 số tiền 111.000.000đ; Ngày 22/6/2012 số tiền 75.000.000đ; Ngày 22/7/2012 số tiền 76.000.000đ; Ngày 22/8/2012 số tiền 83.000.000đ; Ngày 22/9/2012 số tiền 83.000.000đ.

Ngày 16/11/2012, bà Ch đã bán đất và trả bà 950.000.000đ, như vậy bà Ch còn nợ bà 768.000.000đ. Bà và bà Ch đã lập bản cam kết, bà Ch hẹn năm 2013 trả bà nhưng sau đó bà Ch dùng hộ chiếu giả trốn sang Đài Loan, đến tháng 11/2017 bà Ch mới về và chưa trả tiền bà. Từ năm 2014 đến năm 2017, bà đã nhiều lần có đơn tố cáo đề nghị Công an thành phố H làm rõ hành vi của bà Ch về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản'* và "*Làm giả tài liệu của cơ quan nhà nước*". Ngày 15/01/2018, Công an Thành phố H đã có văn bản số 09/TB-CATP, trả lời bà là việc vay tiền của bà Ch không có dấu hiệu hình sự. Do vậy, bà đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết, buộc bà Tăng Thị Ch phải có trách nhiệm thanh toán trả cho bà số tiền vay nợ là 1.297.900.000đ (Trong đó tiền gốc là 768.000.000đ, tiền lãi từ tháng 9/2012 đến tháng 6/2018 là 529.900.000đ - lãi suất 1%/tháng). Sau đó bà L thay đổi nội dung khởi kiện. Bà đề nghị Tòa án yêu cầu bà Ch phải thanh toán trả cho bà số tiền vay nợ là tiền gốc là 768.000.000đ, tiền lãi là 4,5%/tháng, đúng với lãi suất bà đã đi vay người khác cho bà Ch từ đó đến nay. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bà chỉ đề nghị Tòa án tính lãi theo quy định của pháp luật (lãi suất 1%/ tháng tức là 12%/ năm) và bà đề nghị tính lãi từ tháng 11/2012 đến ngày Tòa án xét xử.

Bà xác định khoản tiền trong bản cam kết ngày 16/11/2012 là khoản tiền mà bà và bà Ch đã chốt số nợ từ 2 giấy nhận nợ của ngày 22/3/2012 là 635.000.000đ và 655.000.000đ, bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi. Sau đó bà Ch đã bán đất và trả bà 950.000.000đ, còn lại 340.000.000đ, bà không có ý kiến gì và cũng không có tranh chấp gì về số tiền này. Số tiền 428.000.000đ bà xác định đây là khoản tiền lãi được chốt tại các giấy nhận nợ ngày 22/5/2012, ngày 22/6/2012, ngày 22/7/2012, ngày 22/8/2012 và ngày 22/9/2012. Nguồn tiền là do bà không có tiền cho bà Ch vay nên bà đứng ra đi vay của người khác để cho bà Ch vay tiền. Khi đến tháng tính lãi, bà Ch không có tiền trả lãi cho những người này nên lại nhờ bà đi vay của người khác để trả lãi hộ bà Ch. Những khoản tiền bà đi vay cho bà Ch là bà đứng ra vay trực tiếp, bà Ch không vay những người này mà chỉ vay của bà. Bà Ch cũng đồng ý với bà là để bà đứng ra vay và viết giấy nhận nợ, sau đó bà Ch sẽ có trách nhiệm trả gốc và lãi cho bà. Vì vậy, bà xác định đây cũng là tiền gốc và yêu cầu bà Ch phải trả cho bà.

Giữa bà và bà Ch có thỏa thuận về lãi, bà vay của người khác lãi bao nhiêu thì tính lãi cho bà Ch bấy nhiêu. Tuy nhiên, việc bà và bà Ch thoả thuận với nhau chỉ bằng miệng, không có giấy tờ gì. Bà xác định kể từ khi chốt nợ vào ngày 16/11/2012 đến nay bà Ch chưa trả cho bà khoản tiền nào. Do vậy, bà đề nghị Tòa án buộc bà Ch phải trả bà 768.000.000đ tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật với mức lãi suất là 12%/năm.

-*Theo bị đơn – Bà Tăng Thị Ch trình bày:* Năm 2011 bà vay tiền để mua ôtô

cho con trai làm phương tiện làm ăn. Bà Lê Thị L và ông Hồ Quang S (chồng bà L) nói là đứng vay hộ bà tiền ở Ngân hàng C nhưng phải chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở khu Thị Tứ, phường T, thành phố H đứng tên bà L thì mới vay hộ Ngân hàng được. Bà đã tin tưởng bà L và đã sang tên chuyển nhượng cho vợ chồng bà L. Lúc đó giá trị đất của bà là 1.500.000.000đ nhưng bà L chỉ tính cho bà là 1.200.000.000đ. Sau khi chuyển nhượng đất xong bà L cho bà vay số tiền 250.000.000đ, với lãi suất là 2000đ/1triệu/ngày. Bà và bà L có giao hẹn với nhau từ 10-15 ngày chịu lãi ngày, lãi suất cao. Khi bà L giao tiền cho bà xong, bà và bà L xuống Ngân hàng để làm thủ tục để vay tiền nhưng Ngân hàng trả lời không cho vay nữa. Từ hôm đó bà L giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà, không trả lại cho bà. Số tiền bà L cho bà vay là 250.000.000đ. Bà L tính lãi là 2000đ/1 triệu/ngày. Vì bà mua xe cũ nên hay hỏng, do vậy, bà không có tiền để trả cho bà L, vì vậy, bà L ép bà hàng tháng nhận nợ lãi ngày, bao nhiêu tiền cộng dồn vào gốc, mỗi tháng sau gốc cao thì lãi cao nên bà không có khả năng thanh toán cả gốc và lãi. Bà xác định bà có vay của bà L số tiền gốc 250.000.000đ và một vài khoản nợ khác, bà không lưu giữ được những giấy tờ vay lúc đầu. Đến ngày 22/3/2012, bà và bà L có cộng dồn lại tiền gốc và tiền lãi, viết thành 2 giấy nhận nợ là 635.000.000đ và 655.000.000đ, tổng bằng 1.290.000.000đ. Ngày 16/11/2012, bà và bà L đã viết bản cam kết xác định bà còn nợ bà L số tiền 1.290.000.000đ, trước đó bà đã bán đất và trả bà L 950.000.000đ, bà và bà L đã đối trừ vào tiền nợ, bà chỉ còn nợ bà L số tiền 340.000.000đ.

Đối với số tiền 428.000.000đ trong các giấy nhận nợ ngày 22/5/2012, ngày 22/6/2012, ngày 22/7/2012, ngày 22/8/2012, ngày 22/9/2012 bà xác định hoàn toàn là tiền lãi do bà L tự tính. Nhưng vì lãi quá cao, bà không có khả năng để trả và không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện này của bà L.

Đối với số tiền 340.000.000đ và chấp nhận trả và tính lãi theo quy định của pháp luật (1%/tháng tức là 12%/năm) từ tháng 11/2012 đến ngày Tòa án xét xử, đồng thời đề nghị Tòa án cho bà được trả nợ dần theo hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000đ.

Bà L và bà Ch đều xác định việc 2 bà cho nhau vay tiền không liên quan đến chồng và các con.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DSST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã quyết định: Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 147, khoản 1 Điều 288 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L. Buộc bà Tăng Thị Ch phải trả cho bà Lê Thị L 340.000.000đ tiền gốc và 244.800.000 đ tiền lãi. Tổng cộng là 584.800.000đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L buộc bà Tăng Thị Ch

phải trả bà 428.000.000đ tiền gốc và 308.160.000đ tiền lãi. Tổng cộng là 736.160.000đ.

Ngoài ra bản án còn quyết định về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày27/11/2018 bà Ch kháng cáo cho rằng số tiền 340.000.000đ cũng là tiền lãi và không đồng ý trả lãi với mức lãi suất 1%/ tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Ch vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Tuy nhiên bà xác định bà chỉ chấp nhận trả số tiền gốc 340.000.000đ, còn tiền lãi bà không đồng ý trả. Bà L có quan điểm đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bô luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng*:* Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà Ch đều thừa nhận còn nợ bà L số tiền 340.000.000đ và chấp nhận trả bà L số tiền này. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Ch phải trả bà L số tiền 340.000.000đ tiền gốc là có căn cứ.

Về số tiền lãi: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm bà Ch và bà L đều thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng. Sự thỏa thuận này không trái quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận mức lãi suất này là phù hợp.

Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Ch, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Tăng Thị Ch, Hội đồng xét xử thấy: Bà Ch kháng cáo cho rằng khoản tiền 340.000.000đ bà còn nợ bà L thực chất là khoản tiền lãi nên không đồng ý trả cho bà L.

Theo bà Ch thực tế bà chỉ vay bà L 250.000.000 đ gốc, toàn bộ số tiền còn lại là tiền lãi. Tuy nhiên tại cấp sơ thẩm bà Ch cũng xác định ngoài khoản tiền gốc bà có vay của bà L, bà còn vay một vài khoản nợ khác nhưng không lưu giữ được những giấy tờ vay lúc đầu. Do vậy, không có căn cứ xác định số tiền 340.000.000 đồng bà còn nợ bà L là tiền lãi mà bà L tính cho bà. Bên cạnh đó căn cứ 02 giấy nhận nợ giữa bà L và bà Ch thể hiện ngày 22/3/2012 bà Ch đã vay của bà Lê Thị L 2 khoản tiền là 655.000.000 đ và 635.000.000 đ. Sau đó đến ngày 16/11/2012 hai bên đã viết bản cam kết với nội dung ngày 22/3/2012 bà Ch có vay của bà L số tiền 1.290.000.000 đ. Cùng ngày bà Ch đã trả cho bà L số tiền 950.000.000 đ. Số tiền còn lại bà Ch khất lại đến năm 2013 sẽ trả nốt. Sau khi trả tiền bà Ch và bà L đều ký vào biên bản. Mặt khác tại cơ quan điều tra cũng như trong quá trình Tòa án cấp sơ

thẩm giải quyết bà Ch đều xác định chỉ còn nợ bà L số tiền 340.000.000 đ, bà Ch không tranh chấp với bà L số tiền này. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Ch vẫn giữ nguyên quan điểm đồng ý trả bà Ch 340.000.000 đ. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà Ch phải trả cho bà L số tiền 340.000.000 đ là có căn cứ.

[2] Xem xét về việc tính lãi 1% đối với số tiền 340.000.000 đ, Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù trong giấy cam kết 2 bên không đề cập đến lãi suất. Tuy nhiên tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm các bên đều đề nghị Tòa án tính lãi theo quy định của pháp luật là 1%/1 tháng (tức 12%/1 năm), trong khi đó căn cứ điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, mức lãi suất cho vay theo thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm. Như vậy sự thỏa thuận này của các đương sự không trái với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, nên yêu cầu của bà Ch đề nghị xem xét lại về lãi suất là không có căn cứ chấp nhận.

Từ phân tích trên cho thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Ch.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà Ch kháng cáo không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Tăng Thị Ch. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DSST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 147, khoản 1 Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6,khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hộ quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L. Buộc bà Tăng Thị Ch phải trả cho bà Lê Thị L 340.000.0000đ (Ba trăm bốn mươi triệu ngàn đồng chẵn) tiền gốc và 244.800.000đ (Hai trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng) tiền lãi. Tổng cộng là 584.800.000đ (Năm trăm tám mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L buộc bà Tăng Thị Ch phải trả bà 428.000.000đ (Bốn trăm hai tám triệu đồng chẵn) tiền gốc và 308.160.000đ (Ba trăm linh tám triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền lãi. Tổng cộng là 736.160.000đ (Bẩy trăm ba mươi sáu triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí**:** Bà Lê Thị L phải chịu 33.446.400đ (Ba mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 25.468.500đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm sáu tám ngàn năm trăm đồng) tạm

ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/002462 ngày 06/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Bà L còn phải nộp 7.977.900 đ (Bẩy triệu chín trăm bẩy mươi bẩy nghìn chín trăm đồng) tiền án phí còn thiếu.

Bà Tăng Thị Ch phải nộp 27.392.000đ (Hai mươi bẩy triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Tăng Thị Ch phải chịu 300.000 đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được đối trừ 300.000 đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà Ch đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, theo biên lại thu số AA/2017/0002764 ngày 03/12/2018. Bà Ch đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền